

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỰ LẬP
QUÝ 3 NĂM 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2021 tự lập của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị (Từ nhiệm ngày 8/4/2021)
Ông Quách Mạnh Hòa	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/03/2021)
Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2021)
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính Hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính Hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính Hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính Hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính Hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính Hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính Hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

Nguyễn Ngọc Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,967,867,358,244	1,372,652,372,140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	312,240,304,472	203,396,080,603
1. Tiền	111		192,240,304,472	101,396,080,603
2. Các khoản tương đương tiền	112		120,000,000,000	102,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80,000,000,000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		80,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,467,401,442,590	1,080,747,817,615
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	49,498,847,677	29,775,232,146
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	123,851,759,332	107,266,361,719
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		442,138,495,738	69,890,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	852,888,230,085	873,916,323,750
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(975,890,242)	(100,100,000)
IV. Hàng tồn kho	140		63,276,508,364	52,639,061,226
1. Hàng tồn kho	141		63,276,508,364	52,639,061,226
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44,949,102,818	35,869,412,696
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	44,830,296,776	35,752,658,095
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		118,806,042	115,754,601
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		-	1,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,031,977,391,349	1,907,169,245,770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		92,936,565,395	95,249,273,318
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	92,936,565,395	95,249,273,318
II. Tài sản cố định	220		907,686,259,125	971,068,130,574
1. TSCĐ hữu hình	221	9	477,063,242,050	539,403,406,581
- Nguyên giá	222		786,974,611,869	755,758,170,276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(309,911,369,819)	(216,354,763,695)
2. TSCĐ vô hình	227	10	430,623,017,075	431,664,723,993
- Nguyên giá	228		481,788,673,015	473,251,657,562
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51,165,655,940)	(41,586,933,569)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52,086,889,236	45,391,960,547
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	52,086,889,236	45,391,960,547
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	389,983,693,748	114,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		389,869,693,748	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239,100,000	239,100,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(125,100,000)	(125,100,000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		589,283,983,845	795,345,881,331
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	262,090,557,348	426,772,442,501
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,700,000,000	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
2. Lợi thế thương mại	269	12	325,493,426,497	368,573,438,830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,999,844,749,593	3,279,821,617,910

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,905,429,647,801	2,228,328,234,959
I. Nợ ngắn hạn	310		1,829,378,077,043	1,713,857,227,675
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	177,260,547,370	150,899,958,296
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		129,032,969,006	227,236,009,886
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	15	163,663,059,665	119,737,114,946
4. Phải trả người lao động	314		78,804,775,828	87,844,441,341
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	316,093,249,203	134,930,105,995
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	184,031,953,053	304,207,007,953
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	146,351,642,089	83,120,116,913
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	634,139,880,829	605,882,472,345
II. Nợ dài hạn	330		1,076,051,570,758	514,471,007,284
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	1,709,870,000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	18,821,894,011	35,227,477,141
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1,055,298,169,273	476,520,630,879
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,931,507,474	1,013,029,264
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	1,094,415,101,792	1,051,493,382,951
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,094,415,101,792	1,051,493,382,951
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		831,506,610,000	815,897,350,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		831,506,610,000	815,897,350,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15,335,740,000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,026,345,118	2,358,204,908
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2,358,204,908	(124,756,931,761)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16,668,140,210	127,115,136,669
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		228,546,406,674	233,237,828,043
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,999,844,749,593	3,279,821,617,910

Nguyễn Ngọc Thủy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/09/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2021	Quý III/2020	Lũy kế 9 tháng 2021	Lũy kế 9 tháng 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	392,513,047,568	601,279,533,343	1,381,512,123,192	1,329,912,699,424
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		392,513,047,568	601,279,533,343	1,381,512,123,192	1,329,912,699,424
(10 = 01 - 02)						
4. Giá vốn hàng bán	11	22	289,687,696,233	352,347,332,731	1,009,342,698,915	917,730,016,949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102,825,351,335	248,932,200,612	372,169,424,277	412,182,682,475
(20 = 10 - 11)						
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	52,992,655,163	11,509,264,554	149,444,748,672	34,751,883,277
7. Chi phí tài chính	22		46,786,026,209	16,222,489,738	114,163,129,254	45,819,027,177
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46,087,516,841	16,056,057,048	94,417,714,874	42,576,570,475
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		-	-	(130,306,252)	-
9. Chi phí bán hàng	25		62,980,468,305	128,731,678,388	245,667,304,913	362,307,926,002
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		33,541,620,595	54,218,922,479	119,298,753,797	144,423,583,011
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,509,891,389	61,268,374,561	42,354,678,733	(105,615,970,438)
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}						
12. Thu nhập khác	31		646,289,423	681,415,058	2,222,880,227	2,745,185,659
13. Chi phí khác	32		198,602,248	705,800,951	10,285,762,262	4,063,365,268
14. Lợi nhuận khác	40		447,687,175	(24,385,893)	(8,062,882,035)	(1,318,179,609)
(40 = 31 - 32)						
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12,957,578,564	61,243,988,668	34,291,796,698	(106,934,150,047)
(50 = 30 + 40)						
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	9,330,312,316	431,388,933	23,066,822,844	431,388,933
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1,695,623,777)	-	(223,201,602)	175,048,905

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,322,890,025	60,812,599,735	11,448,175,456	(107,540,587,885)
(60 = 50 - 51 - 52)						
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		5,048,878,396	46,338,174,647	16,109,820,022	(137,365,810,348)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		274,011,629	14,474,425,087	(4,691,421,369)	(30,987,377,272)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	61.88	567.94	197.45	(1,683.62)

Nguyễn Ngọc Thủy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/09/2021

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng 2021	Lũy kế 9 tháng 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		11,448,175,456	(107,540,587,885)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		103,135,328,495	120,042,879,053
-	Các khoản dự phòng	03		875,790,242	800,000,000
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(149,444,748,672)	1,819,910,329
-	Chi phí lãi vay	06		126,569,811,933	42,576,570,475
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		92,584,357,454	57,698,771,972
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(384,340,917,052)	(223,643,204,581)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10,637,447,138	3,156,317,408
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		570,257,129,347	8,918,207,012
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(155,604,246,472)	(47,964,801,236)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(46,548,392,010)	(43,002,336,180)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		18,718,726,990	(12,932,050,680)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		105,704,105,395	(257,769,096,285)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39,753,457,046)	(153,164,192,368)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		34,379,515,607	4,052,464,000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(607,034,946,878)	(2,300,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		372,248,495,738	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(469,869,693,748)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		40,800,000,000	180,000,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		65,335,257,923	585,939,038
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(603,894,828,404)	(150,645,789,330)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ đi vay	33		1,427,116,657,146	692,682,734,274
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(820,081,710,268)	(540,490,419,931)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		607,034,946,878	152,192,314,343

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Hợp nhất này

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng 2021	Lũy kế 9 tháng 2020
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		108,844,223,869	(256,222,571,272)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		203,396,080,603	530,223,506,719
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	312,240,304,472	274,000,935,447

Nguyễn Ngọc Thủy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2021 với vốn điều lệ của Công ty là 831.506.610.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính Hợp nhất

Không có hoạt động nào đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính Hợp nhất.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2021, Công ty có 04 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 79,69%.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 87,45%.
- Công ty Cổ phần English Now Global với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

Đến thời điểm 30/09/2021, Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax có trụ sở chính tại số 12 ngách 1, ngõ 111 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo giữa niên độ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 48,72%, tỷ lệ quyền biểu quyết và lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính Hợp nhất.

Báo cáo tài chính Hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính Hợp nhất

Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính Hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính Hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính Hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

dùng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính Hợp nhất. Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán Hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán Hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán Hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

Chi phí đi vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính Hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 59,76% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần English Now Global: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia: Công ty con của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

4. TIỀN

Tiền	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	184,338,731,006	32,327,110,421
Tiền gửi ngân hàng	4,754,829,721	53,245,358,383
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán	475,818,745	475,516,799
Tiền đang chuyển	2,670,925,000	15,348,095,000
Các khoản tương đương tiền	120,000,000,000	102,000,000,000
Cộng	312,240,304,472	203,396,080,603

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	-	4,000,000,000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội	656,150,000	-	-	-
Công ty TNHH MACT Việt Nam	743,758,246	-	-	-
Công ty Cổ phần Soya Garden	1,668,773,931	(727,720,300)	1,668,773,931	-
Nguyễn Vĩnh Hạnh	12,500,000,000	-	-	-
Đào Thị Tâm	-	-	-	-
Ngô Huy Kiên	-	-	3,130,000,000	-
Nguyễn Duy Nhâm	-	-	4,631,000,000	-
Công ty CP Công nghệ giáo dục Omni School	5,562,000,000	-	15,080,000,000	-
Các đối tượng khác	28,368,165,500	(248,169,942)	1,265,458,215	(100,100,000)
Cộng	49,498,847,677	(975,890,242)	29,775,232,146	(100,100,000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Thiết kế hạ tầng cơ sở	17,991,144,216	24,191,144,216
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN	1,532,289,906	39,203,020,840
Visang Education Inc	294,213,328	4,794,646,417
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Việt Quốc	1,372,953,140	1,482,979,050
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	59,181,827,472	22,782,941,361
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank)	2,824,000,000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool	616,398,905	113,654,860
Công ty Cổ phần Vicad Tư vấn Đầu tư và Thiết kế	827,616,995	827,616,995
Các đối tượng khác	39,211,315,370	13,870,357,980
Cộng	123,851,759,332	107,266,361,719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

7. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	852,888,230,085	-	873,916,323,750	-
Tạm ứng	26,146,465,405	-	5,409,977,280	-
Tạm ứng thực hiện dự án trường Xuân Phương	-	-	-	-
Các đối tượng khác	26,146,465,405	-	5,409,977,280	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	647,784,024,887	-	738,748,051,037	-
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	19,679,973,073	-
Công ty TNHH MTV Nam Phong	475,104,985,537	-	473,400,000,000	-
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam	75,852,789,350	-	42,330,000,000	-
Nguyễn Ngọc Thủy	-	-	121,183,997,500	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
Nguyễn Duy Nhâm	-	-	50,686,000,000	-
Lưu Quang Thịnh	66,268,000,000	-	-	-
Các đối tượng khác	558,250,000	-	1,468,080,464	-
Phải thu khác	178,957,739,793	-	129,758,295,433	-
Nguyễn Ngọc Thủy	-	-	45,692,133,341	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus	10,780,700,000	-	51,580,700,000	-
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber	105,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool	30,494,800,000	-	27,000,000,000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN Vũ Ngọc Tuyền	-	-	2,171,006,899	-
Các đối tượng khác	32,682,239,793	-	3,314,455,193	-
b) Dài hạn	92,936,565,395	-	95,249,273,318	-
Phải thu khác	-	-	-	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	92,936,565,395	-	95,249,273,318	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	26,655,450,880	-	28,006,636,471	-
Công ty Cổ phần Nam Hải	2,100,000,000	-	2,100,000,000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	63,392,566,048	-	64,014,938,048	-
Các đối tượng khác	788,548,467	-	1,127,698,799	-
Cộng	945,824,795,480	-	969,165,597,068	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	44,830,296,776	35,752,658,095
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	25,474,476,112	23,377,131,322
Chi phí bảo hiểm	53,472,090	97,920,522
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	320,634,286	421,070,960
Chi phí ghi danh học sinh	14,075,218,253	-
Chi phí chăm sóc khách hàng	-	-
Chi phí trả trước khác	4,906,496,035	11,856,535,291
b) Dài hạn	262,090,557,348	426,772,442,501
Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leader (1)	164,410,036,300	271,585,689,155
Chi phí triển khai chương trình 7 habits of highly effective (2)	42,813,210,683	79,265,430,255
Chương trình Apax Online (3)	17,515,844,366	26,273,766,560
Chi phí mua bản quyền phần mềm	16,413,831	179,329,424
Chi phí thành lập doanh nghiệp chờ phân bổ	-	6,015,032,553
Chi phí đầu tư tại các trường mầm non	12,502,411,699	19,107,977,368
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	10,425,095,426	4,897,128,326
Chi phí thi công nội thất các trung tâm	1,260,836,198	8,073,775,028
Chi phí thẻ nha khoa	1,603,333,326	2,589,999,998
Chi phí môi giới trái phiếu	3,486,044,316	1,935,185,185
Chi phí bản quyền Chương trình Englisheye	-	-
Chi phí trả trước khác	8,057,331,203	6,849,128,649
Cộng	306,920,854,124	462,525,100,596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2021	731,476,652,347	12,688,542,788	7,248,081,035	4,344,894,106	755,758,170,276
Mua trong kỳ	29,199,511,739	18,091,667	-	1,998,838,187	31,216,441,593
Số dư ngày 30/09/2021	760,676,164,086	12,706,634,455	7,248,081,035	6,343,732,293	786,974,611,869
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2021	201,970,440,028	10,727,458,630	1,871,772,672	1,785,092,365	216,354,763,695
Khấu hao trong kỳ	85,936,011,791	333,019,664	581,628,402	6,705,946,267	93,556,606,124
Số dư ngày 30/09/2021	287,906,451,819	11,060,478,294	2,453,401,074	8,491,038,632	309,911,369,819
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2021	529,506,212,319	1,961,084,158	5,376,308,363	2,559,801,741	539,403,406,581
Tại ngày 30/09/2021	472,769,712,267	1,646,156,161	4,794,679,961	(2,147,306,339)	477,063,242,050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	Chương trình giảng dạy	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2021	345,560,777,845	105,258,067,656	3,616,521,958	18,816,290,103	473,251,657,562
Tăng từ hàng hóa bất động sản (*)	32,916,531,060	-	10,000,000,000	-	42,916,531,060
Thanh lý, nhượng bán	(34,379,515,607)	-	-	-	(34,379,515,607)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/09/2021	344,097,793,298	105,258,067,656	13,616,521,958	18,816,290,103	481,788,673,015
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2021	-	38,316,832,212	2,172,484,434	1,097,616,923	41,586,933,569
Khấu hao trong kỳ	-	7,815,146,823	286,710,450	1,476,865,098	9,578,722,371
Số dư ngày 30/09/2021	-	46,131,979,035	2,459,194,884	2,574,482,021	51,165,655,940
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2021	345,560,777,845	66,941,235,444	1,444,037,524	17,718,673,180	431,664,723,993
Tại ngày 30/09/2021	344,097,793,298	59,126,088,621	11,157,327,074	16,241,808,082	430,623,017,075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Chi phí phát triển dự án các điểm trường (1)	2,132,995,164	608,062,916
Dự án Trường liên cấp Firbank Australia	11,728,512,688	8,251,023,415
Dự án Co-learning của Trung tâm Miền Nam (2)	38,225,381,384	35,426,489,725
Các dự án khác	-	1,106,384,491
Cộng	52,086,889,236	45,391,960,547

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	368,573,438,830	426,013,455,274
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(43,080,012,333)	(57,440,016,444)
Tại ngày cuối năm	325,493,426,497	368,573,438,830

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGSTầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/09/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax (i)	190,000,000,000	5,577,255	190,005,577,255	-	-	-
Công ty Cổ Phần Giáo dục tư duy và Sáng tạo CMS (ii)	200,000,000,000	(135,883,507)	199,864,116,493	-	-	-
Công ty Cổ phần Studynet (iii)	1,960,000,000	(1,960,000,000)	-	1,960,000,000	(1,960,000,000)	-
Cộng	391,960,000,000	(2,090,306,252)	389,869,693,748	1,960,000,000	(1,960,000,000)	-
	30/09/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (iv)						
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125,100,000	(125,100,000)	-	125,100,000	(125,100,000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114,000,000	-	114,000,000	114,000,000	-	114,000,000
Cộng	239,100,000	(125,100,000)	114,000,000	239,100,000	(125,100,000)	114,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Chungdahm Learning, Inc	11,230,763,040	11,230,763,040	24,291,988,800	24,291,988,800
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ ca Thăng Long	-	-	8,555,144,591	8,555,144,591
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax (Trước là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bộ Ba)	120,657,098	120,657,098	6,120,657,098	6,120,657,098
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Tường Việt			4,016,122,657	4,016,122,657
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT	10,514,859,914	10,514,859,914	6,695,509,201	6,695,509,201
Công ty CP Quản lý tài sản Dzambala	1,302,917,400	1,302,917,400	1,302,917,400	1,302,917,400
Công ty TNHH KPMG	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	1,573,221,400	1,573,221,400	1,294,529,000	1,294,529,000
Công ty Cổ phần phần mềm FIT	10,000,000,000	10,000,000,000	-	-
Các đối tượng khác	141,133,380,318	141,133,380,318	97,238,341,349	97,238,341,349
Cộng	177,260,547,370	177,260,547,370	150,899,958,296	150,899,958,296

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Khoản mục	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/09/2021
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	2,636,490,951	1,857,166,997	1,296,763,610	3,196,894,338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30,469,737,967	22,772,840,176	18,718,726,990	34,523,851,153
Thuế thu nhập cá nhân	83,729,966,711	52,052,168,463	13,680,087,616	122,102,047,558
Các loại thuế khác	1,644,277	144,802,485	144,802,485	1,644,277
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2,899,275,040	1,343,359,295	404,011,996	3,838,622,339
Cộng	119,737,114,946	78,170,337,416	34,244,392,697	163,663,059,665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	16,318,011,167	15,739,136,636
Trích trước chi phí ghi danh học sinh	94,080,092,421	35,680,439,720
Trích trước chi phí lương, thưởng	25,127,197,206	9,200,024,868
Trích trước chi phí thuê địa điểm kinh doanh	70,463,561,020	4,741,386,463
Trích trước chi phí lãi vay	1,667,562,827	130,524,789
Lãi trái phiếu	29,885,342,443	3,584,452,055
Trích trước chi phí tài sản cố định phải trả	24,952,756,244	44,841,605,498
Trích trước chi phí khác	53,598,725,875	21,012,535,966
Cộng	316,093,249,203	134,930,105,995

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	84,924,615,483	55,213,935,296
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,863,030,000	128,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	55,563,996,606	27,778,181,617
<i>Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Academy</i>	<i>12,800,980,389</i>	<i>5,497,743,959</i>
<i>Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax Speedy</i>	<i>2,142,494,497</i>	<i>1,062,494,457</i>
<i>Chungdahm Learning, Inc</i>	<i>5,877,107,550</i>	<i>5,877,107,550</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>34,743,414,170</i>	<i>15,340,835,651</i>
Cộng	146,351,642,089	83,120,116,913

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/09/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tiền học phí thu trước	184,031,953,053	304,207,007,953
	184,031,953,053	304,207,007,953
<i>Dài hạn</i>		
Tiền học phí thu trước	18,821,894,011	35,227,477,141
	18,821,894,011	35,227,477,141
Cộng	202,853,847,064	339,434,485,094

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/09/2021		Trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	634,139,880,829	634,139,880,829	707,324,960,834	679,067,552,350	605,882,472,345	605,882,472,345
a1) Vay ngắn hạn	558,134,896,466	558,134,896,466	723,629,371,972	652,227,634,751	486,733,159,245	486,733,159,245
Công ty Cổ phần Studynet	2,800,000,000	2,800,000,000	-	-	2,800,000,000	2,800,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	-	-	6,000,000,000	12,000,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	511,198,582,373	511,198,582,373	677,528,122,236	634,961,199,108	468,631,659,245	468,631,659,245
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục EGroup	-	-	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Eduland	150,000,000	150,000,000	-	-	150,000,000	150,000,000
Ngân hàng chính sách xã hội quận Ba Đình	10,143,900,000	10,143,900,000	10,143,900,000	-	-	-
Ông Hoàng Hồng Trung	151,000,000	151,000,000	151,000,000	-	-	-
Bà Nguyễn Thanh Mai	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-	-
Bà Trương Thị Tâm	10,082,700,000	10,082,700,000	931,200,000	-	9,151,500,000	9,151,500,000
Bà Vũ Cẩm La Hương	1,375,100,000	1,375,100,000	1,375,100,000	-	-	-
Ông Vũ Thanh Sơn	5,100,000,000	5,100,000,000	5,100,000,000	-	-	-
Các đối tượng khác	15,133,614,093	15,133,614,093	20,400,049,736	5,266,435,643	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	30/09/2021		Trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a2) Vay dài hạn đến hạn trả	76,004,984,363	76,004,984,363	(16,304,411,138)	26,839,917,599	119,149,313,100	119,149,313,100
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (11)	50,819,696	50,819,696	-	60,983,604	111,803,300	111,803,300
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (13)	5,972,621,691	5,972,621,691	2,960,874,282	2,788,162,507	5,799,909,916	5,799,909,916
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (14)	69,981,542,976	69,981,542,976	(19,265,285,420)	23,990,771,488	113,237,599,884	113,237,599,884
	-	-	-	-	-	-
b) Dài hạn	1,055,298,169,273	1,055,298,169,273	719,791,696,312	141,014,157,918	476,520,630,879	476,520,630,879
Vay dài hạn	1,055,298,169,273	1,055,298,169,273	719,791,696,312	141,014,157,918	476,520,630,879	476,520,630,879
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công nghệ Thiên Việt (12)	-	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (13)	8,050,045,490	8,050,045,490	5,799,909,916	4,219,809,958	6,469,945,532	6,469,945,532
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (14)	86,667,389,696	86,667,389,696	123,192,609,078	102,102,854,810	65,577,635,428	65,577,635,428
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (15)	34,241,200,966	34,241,200,966	34,241,200,966	-	-	-
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (16)	853,702,946,971	853,702,946,971	556,394,440,121	2,691,493,150	300,000,000,000	300,000,000,000
Trái phiếu chuyển đổi (17)	72,636,586,150	72,636,586,150	163,536,231	31,000,000,000	103,473,049,919	103,473,049,919
Tổng cộng	1,689,438,050,102	1,689,438,050,102	1,427,116,657,146	820,081,710,268	1,082,403,103,224	1,082,403,103,224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu* Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông thiểu số	Cộng
Số dư ngày 01/01/2020	815,897,350,000	65,976,720,000	(124,756,931,761)		757,117,138,239
Lãi trong năm trước	-	-	61,138,416,669		61,138,416,669
Tăng khác (*)	-	-	65,976,720,000	233,237,828,043	299,214,548,043
Giảm khác (*)	-	(65,976,720,000)	-		(65,976,720,000)
Số dư ngày 31/12/2020	815,897,350,000	-	2,358,204,908	233,237,828,043	1,051,493,382,951
Lãi trong kỳ này	-	-	16,109,820,022		16,109,820,022
Tăng khác	15,609,260,000	15,335,740,000	558,320,188	228,546,406,674	260,049,726,862
Số dư ngày 30/09/2021	831,506,610,000	15,335,740,000	19,026,345,118	228,546,406,674	1,327,652,929,835

(*) Là khoản Công ty sử dụng thặng dư vốn cổ phần để bù đắp lợi nhuận trong kỳ

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn đã góp			
	30/06/2021		1/1/2021	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	496,899,990,000	59.76%	502,829,990,000	61.63%
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	66,939,760,000	8.05%	51,330,500,000	6.29%
Các đối tượng khác	267,666,860,000	32.19%	261,736,860,000	32.08%
	831,506,610,000	100%	815,897,350,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý III/2021 VND	Quý III/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	815,897,350,000	815,897,350,000
Vốn góp tăng trong kỳ	15,609,260,000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	831,506,610,000	815,897,350,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/09/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83,150,661	81,589,735
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	83,150,661	81,589,735
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83,150,661</i>	<i>81,589,735</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83,150,661	81,589,735
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83,150,661</i>	<i>81,589,735</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý III/2021 VND	Quý III/2020 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	392,513,047,568	601,279,533,343
Cộng	392,513,047,568	601,279,533,343

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý III/2021 VND	Quý III/2020 VND
Giá vốn hàng bán	289,687,696,233	352,347,332,731
Cộng	289,687,696,233	352,347,332,731

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý III/2021 VND	Quý III/2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	12,716,777,503	585,939,038
Lãi khoản đặt cọc cho ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	10,923,276,516
Doanh thu nhượng quyền mua cổ phần	40,000,000,000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	275,877,660	49,000
Cộng	52,992,655,163	11,509,264,554

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý III/2021 VND	Quý III/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	9,330,312,316	431,388,933
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9,330,312,316	431,388,933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý III/2021	Quý III/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,048,878,396	46,338,174,647
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5,048,878,396	46,338,174,647
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	81,589,735	81,589,735
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	61.88	567.94

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/03/2020 ở mức thấp, theo đó Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên liên quan, Công ty trình bày các thông tin về các nghiệp vụ giao dịch và số dư đối với các bên liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, trên báo cáo tài chính Hợp nhất, Công ty không trình bày các thông tin này.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính Hợp nhất tự lập Q3/2020.

Nguyễn Ngọc Thủy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập